



THÔNG TIN AN TOÀN SẢN PHẨM

DULUX AMBIANCE COLOURMOTION

1. Nhận dạng sản phẩm và công ty

Tên sản phẩm : DULUX AMBIANCE COLOURMOTION
Ứng dụng sản phẩm : Sơn phủ gốc nước nội thất.

Các chi tiết về nhà cung cấp bản dữ liệu an toàn

CÔNG TY TNHH SƠN AKZO NOBEL VIỆT NAM
ĐT: (84 650) 356 7759
1. Sơn nước:
Sản xuất tại:
BD: Lô E-1-CN,
KCN Mỹ Phước 2,
Huyện Bến Cát,
Tỉnh Bình Dương.
2. Bột trét:
Sản xuất tại:
HN: Lô 48, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội.
HCM: Số 8, Kho Thủ Đức, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Sơn dầu Maxilite & Maxilite AC Red Primer
Sản xuất tại:
DN: Đường số 7, KCN Biên Hòa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại khẩn cấp

Số Điện Thoại : Số điện thoại khẩn cấp nội địa (24 giờ/mỗi ngày): 1900 555 561
Số điện thoại khẩn cấp dành cho nước ngoài (8:30 - 17:30/T2 - T6):
+84 8 3822 1612
Số điện thoại của phòng dịch vụ khách hàng (8:30 - 17:30/ T2 - T6):
+84 8 38221612

Phiên bản : 0.04

2. Thông tin về thành phần các chất

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

3. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Mức xếp loại nguy hiểm :

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Từ cảnh báo :
Cảnh báo nguy cơ :
Các công bố về phòng ngừa :

Phiên bản : 0.04

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 26-4-2017

3. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Ngăn chặn	:
Phản ứng	:
Lưu trữ	:
Xử lý	:
Thành phần nguy hiểm	:

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt	:
Hít phải	:
Tiếp xúc ngoài da	:
Nuốt phải	:

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt	:
Hít phải	:
Tiếp xúc ngoài da	:
Nuốt phải	:

Đấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

Tiếp xúc mắt	:
Hít phải	:
Tiếp xúc ngoài da	:
Nuốt phải	:

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị	:
Điều trị cụ thể	:
Bảo vệ nhân viên sơ cứu	:

Xem thông tin độc tính (phần 11)

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện cứu hỏa

Các chất chữa cháy phù hợp	:
Các chất chữa cháy không phù hợp	:

Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất	:
Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm	:

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy	:
Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy	:

6. Các biện pháp xử lý tai nạn tràn đổ hóa chất

Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phải nhân viên cấp cứu :
Cho các nhân viên cấp cứu :

Đề phòng cho môi trường :

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ :
Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng :

7. Yêu cầu về cất giữ

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

Biện pháp bảo vệ :
Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát :

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ :

8. Kiểm soát phơi nhiễm/ Yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Không.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp :

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường :

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Biện pháp vệ sinh :

Bảo vệ mắt :

Bảo vệ da

Bảo vệ tay :

Bảo vệ thân thể : Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.

Biện pháp bảo vệ da khác :

Bảo vệ hô hấp : Nếu người lao động bị phơi nhiễm vượt quá giới hạn phơi nhiễm, họ phải sử dụng dụng cụ thở thích hợp đã được kiểm nghiệm.

Các hình thức xử lý như xả nhám bề mặt bột trét có thể tạo bụi nguy hại. Làm việc trong môi trường thông thoáng. Sử dụng thiết bị bảo hộ lao động thích hợp.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường : Đùng để chảy vào cống hay dòng nước.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin chung

Bề ngoài

Trạng thái vật lý	: Chát lỏng.
Màu sắc	: Không có sẵn.
Mùi	: Không có sẵn.
Ngưỡng về mùi	: Không có sẵn.

Thông tin quan trọng về môi trường, an toàn và sức khỏe

pH	: 8,5
Điểm sôi và vùng nhiệt độ sôi ban đầu	: 100°C
Điểm bùng cháy	: Không áp dụng.
Điểm nóng chảy	: Không có sẵn.
Thời gian cháy	: Không áp dụng.
Mức cháy	:
Thuộc tính nổ	: Không có sẵn.
Giới hạn nổ	: Không có sẵn.
Thuộc tính oxy hóa	: Không có sẵn.
Áp suất hóa hơi	:
Mật độ tương đối	: 1,039
Tính hòa tan	: Dễ tan trong các vật liệu sau đây: nước lạnh.
Hệ số phân chia nước/Octanol	: Không có sẵn.
Tính dẻo	:
Tỷ trọng hơi	: Không có sẵn.
Tỷ lệ hóa hơi	: Không có sẵn.

Thông tin cần thiết khác

Nhiệt độ tự cháy	:
------------------	---

10. Mức ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng phản ứng	:
Tính ổn định	:
Khả năng gây các phản ứng nguy hại	:
Tình trạng cần tránh	:
Các vật liệu không tương thích	:
Sản phẩm phân rã có mối nguy	:

11. Thông tin về độc tính

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Không có sẵn.

Kích ứng/Ăn mòn

Không có sẵn.

Nhạy cảm

Không có sẵn.

Tính đột biến

Không có sẵn.

Tính gây ung thư

Không có sẵn.

Độc tính sinh sản

Không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Không có sẵn.

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Không có sẵn.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra :

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt :
Hít phải :
Tiếp xúc ngoài da :
Nuốt phải :

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

Tiếp xúc mắt :
Hít phải :
Tiếp xúc ngoài da :
Nuốt phải :

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

Các tác dụng tức thời có thể gặp :
Các tác dụng chậm có thể gặp :

Phơi nhiễm lâu dài

Các tác dụng tức thời có thể gặp :

11. Thông tin về độc tính

Các tác dụng chậm có thể gặp :

[Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn](#)

Không có sẵn.

Tổng quát :

Tính gây ung thư :

Tính đột biến :

Độc tính gây quái thai :

Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể :

Ảnh hưởng khả năng sinh sản :

[Các số liệu đo lường độ độc](#)

[Các giá trị ước tính độ độc cấp tính](#)

Không có sẵn.

12. Thông tin về sinh thái

[Độc Tính](#)

Không có sẵn.

[Độ bền và khả năng phân hủy](#)

Không có sẵn.

[Khả năng tồn lưu](#)

Không có sẵn.

[Khả năng phân tán qua đất](#)

Hệ số phân cách đất/nước (K_{oc}) : Không có sẵn.

Hậu quả xấu khác :

13. Yêu cầu trong việc thải bỏ

Các phương pháp thải bỏ :

14. Yêu cầu trong vận chuyển

Information pertaining to IATA and ADN is considered not relevant since the material is not packaged in the correct approved packaging required of these methods of transport.

Information pertaining to IATA and ADN is considered not relevant since the material is not packaged in the correct approved packaging required of these methods of transport.

	ADR	IMDG
14.1 Số UN	Không quy định.	Không quy định.
14.2 Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển	Không áp dụng.	Không áp dụng.
14.3 Nhóm vận chuyển nguy hại Phân loại Loại phụ	Không áp dụng. -	Không áp dụng. -
14.4 Quy cách đóng gói	Không áp dụng.	Không áp dụng.
14.5 Mỗi nguy cho môi trường Chất gây ô nhiễm biển Chất gây ô nhiễm biển	Không.	Không. Không có sẵn.
14.6 Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng	Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng: luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.	
Số HI/Kemler Danh mục cấp cứu (EmS)	Không có sẵn.	Không áp dụng.
14.7 Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của MARPOL và Mã Thùng Trung Chuyển Số Lượng Lớn (IBC)	: Không áp dụng.	
Thông tin bổ sung	-	-

15. Quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật phải tuân thủ

Các quy định riêng về an toàn, y tế và môi trường cho sản phẩm : Luật Hóa chất số 06/2007 / QH12 (GHS) Thông tư 04/2012/TT-BCT: quy định việc Phân loại và Dán nhãn hóa chất.

Quy định quốc tế

Danh mục của Hiệp ước về Vũ khí Hóa học các chất hóa học theo các lịch trình I, II, III

Tên thành phần nguy hiểm	Tên danh sách	Tình trạng
Không liệt kê.		

Nghị định thư Montreal (Phụ lục A, B, C, E)

15. Quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật phải tuân thủ

Không liệt kê.

Hiệp ước Stockholm về các chất gây ô nhiễm hữu cơ bền

Tên thành phần nguy hiểm	Tên danh sách	Tình trạng
Không liệt kê.		

Công Ước Rotterdam về Thỏa Thuận Có Hiệu Biết Trước (PIC)

Không liệt kê.

Nghị định thư UNECE Aarhus về PÓP và các kim loại nặng

Tên thành phần nguy hiểm	Tên danh sách	Tình trạng
Không liệt kê.		

16. Thông tin cần thiết khác

Tên sản phẩm : 135558

Lịch sử

Ngày in : 27-4-2017

**Ngày phát hành/Ngày hiệu
chính** : 26-4-2017

Ngày phát hành lần trước : 6-4-2017

Phiên bản : 0.04

Bảng từ viết tắt

: ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
BCF = Hệ số nồng độ sinh học
GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu
IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế
IBC = Côngtenơ khổ trung
IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế
LogPow = Lôgarít của hệ số phân chia octanol/nước
MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))
UN = Liên hợp quốc

Quy trình được sử dụng để đưa ra phân loại

Phân loại	Cơ sở lý luận
Không phân loại.	

Tham khảo : Không có sẵn.

☑ Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Người đọc lưu ý

GHI CHÚ QUAN TRỌNG Thông tin ở bảng dữ liệu này không thể đề cập hết mọi khía cạnh và dựa trên hiểu biết hiện tại của chúng tôi và dựa trên luật pháp hiện hành; bất kỳ ai sử dụng sản phẩm này cho mục đích khác đã được kiến nghị ở bảng dữ liệu kỹ thuật mà không có sự xác nhận bằng văn bản của chúng tôi trước khi sử dụng như tính phù hợp của sản phẩm cho mục đích ban đầu thì phải chịu rủi ro cho mình. Trách nhiệm của người sử dụng là luôn luôn thực hiện các bước cần thiết để đáp ứng các yêu cầu và quy định của luật địa phương. Luôn đọc bảng dữ liệu an toàn nguyên vật liệu và bảng dữ liệu an toàn kỹ thuật về sản phẩm này. Tất cả các lời khuyên hoặc các báo cáo được đưa ra ở đây hoàn toàn đúng theo hiểu biết của chúng tôi, tuy nhiên chúng tôi không thể kiểm soát hơn nữa về chất lượng hay điều kiện của chất nền hay các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng sản phẩm và ứng dụng của sản phẩm. Vì vậy, chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm về kết quả sử dụng của sản phẩm hay bất cứ tổn thất hay hư hỏng phát sinh trong quá trình sử dụng sản phẩm trừ khi chúng tôi có sự đồng ý rõ ràng bằng văn bản. Tất cả sản phẩm đã cung cấp và các khuyến cáo về kỹ thuật được đưa ra dựa trên các tiêu chuẩn và điều kiện kinh doanh của chúng tôi. Bạn nên có bản sao của tài liệu này và xem xét nó cẩn thận. Thông tin được mô tả ở bảng dữ liệu này có thể được điều chỉnh theo thời gian tương ứng kinh nghiệm và chính sách cải tiến liên tục của chúng tôi. Trách nhiệm của người sử dụng là phải xác minh các thông tin an toàn dữ liệu này và đảm bảo chúng đang hiện hành trước khi sử dụng sản phẩm.

Các tên nhãn hiệu được đề cập trong bảng dữ liệu này là thương hiệu của hoặc được cấp phép cho AkzoNobel.

16. Thông tin cần thiết khác

Văn phòng chính

AkzoNobel Decorative Coatings BV, Christian Neefestraat 2, 1077 WW Amsterdam, Hà Lan